

Bản án số: 893/2024/DS-ST  
Ngày: 24 - 9 - 2024  
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 485/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2023 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 538/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 396/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S;

Địa chỉ: 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 2560/2023/UQ-TGD ngày 16/08/2023).

(có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1978;

Địa chỉ: I ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt).

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 20/12/2019, bà Trần Thị Thanh T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín

dụng của Ngân hàng các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Trần Thị Thanh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà Trần Thị Thanh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.521.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng Thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Trần Thị Thanh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.517.800 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Trần Thị Thanh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Trần Thị Thanh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/10/2020 Ngân hàng đã chấm dứt sử dụng Thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 31.061.451 đồng làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất là 2,6%/tháng x 150%= 3,9%/tháng lãi quá hạn).

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc trực tiếp và tạo điều kiện cho bà Trần Thị Thanh T trả nợ, tuy nhiên bà Trần Thị Thanh T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên buộc bà T phải thanh toán ngay một lần đối với số nợ tạm tính đến 24/9/2024 là 88.925.991 đồng, trong đó: nợ gốc là 31.061.451 đồng, nợ lãi lãi 57.864.540 đồng và bà Trần Thị Thanh T phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 25/9/2024 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

*Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh T đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

*Tại phiên tòa:*

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh T vắng mặt không rõ lý do.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát kiến nghị đề Tòa án rút kinh nghiệm. Các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện bà Trần Thị Thanh T theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng có chữ ký bà Trần Thị Thanh T và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng để yêu cầu bà T trả nợ, xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng. Nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bà T là tại I ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo ghi nhận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Theo kết quả xác minh của Công an xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1978 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ I ấp M, xã T, huyện H, hiện đương sự đã bán nhà đi khỏi địa phương từ năm 2018, hiện không có tại địa phương, không rõ địa chỉ đương sự đang cư ngụ. Căn cứ hướng dẫn tại khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 xác định nơi cư trú cuối cùng của bà T là tại địa chỉ I ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm đ khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: bà T đã được đã được Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ bản tự khai của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bà Trần Thị Thanh T có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của ngân hàng); Ngân hàng đã cấp cho bà T 01 thẻ tín dụng, hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, lãi suất thỏa thuận phù hợp với Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên các bên có trách nhiệm phải thực hiện đúng theo thỏa thuận.

Quá trình sử dụng thẻ tín dụng bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.521.000 đồng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.517.800 đồng và ngưng không tiếp tục thanh toán kể từ ngày 23/6/2020 là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 23/10/2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, dư nợ gốc tại thời điểm này là 31.061.451 đồng, đến nay bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán số tiền nợ thẻ tín dụng là phù hợp.

Căn cứ Bảng tính lãi do Ngân hàng cung cấp thì tính đến ngày 24/9/2024 bà T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là 88.925.991 đồng, trong đó: nợ gốc là 31.061.451 đồng, nợ lãi là 57.864.540 đồng.

Quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, mặc dù những lời trình bày, cung cấp tài liệu, chứng cứ chỉ từ một phía nguyên đơn, tuy nhiên tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ”. Bị đơn bà Trần Thị Thanh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi, không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh nên phải tự chịu trách nhiệm.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/9/2024, tổng cộng là 88.925.991 đồng, trong đó: nợ gốc là 31.061.451 đồng, nợ lãi là 57.864.540 đồng và phải thanh toán lãi phát sinh từ ngày 25/9/2024 đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng) là phù hợp với quy định tại các Điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có căn cứ chấp nhận.

Về thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã lâu nên bị đơn có nghĩa vụ thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[3] Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc bà Trần Thị Thanh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/9/2024 là 88.925.991 (tám mươi tám triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm chín mươi một) đồng, trong đó: nợ gốc là 31.061.451 (ba mươi một triệu không trăm sáu mươi một ngàn bốn trăm năm mươi một) đồng, nợ lãi là 57.864.540 (năm mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi bốn ngàn năm trăm bốn mươi) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Trần Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.446.300 (bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn ba trăm) đồng. H lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền 1.803.198 (Một triệu tám trăm lẻ ba nghìn, một trăm chín mươi tám) đồng tiền tạm ứng án phí do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017085 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn, TP. HCM;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn, TP. HCM;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trịnh Thị Oanh**